



## TÓM TẮT

# Báo cáo Phát triển Con người 2009

## Vượt qua rào cản:

### Di cư và phát triển con người

Trang Website Báo Cáo Phát triển Con Người: <http://hdr.undp.org>

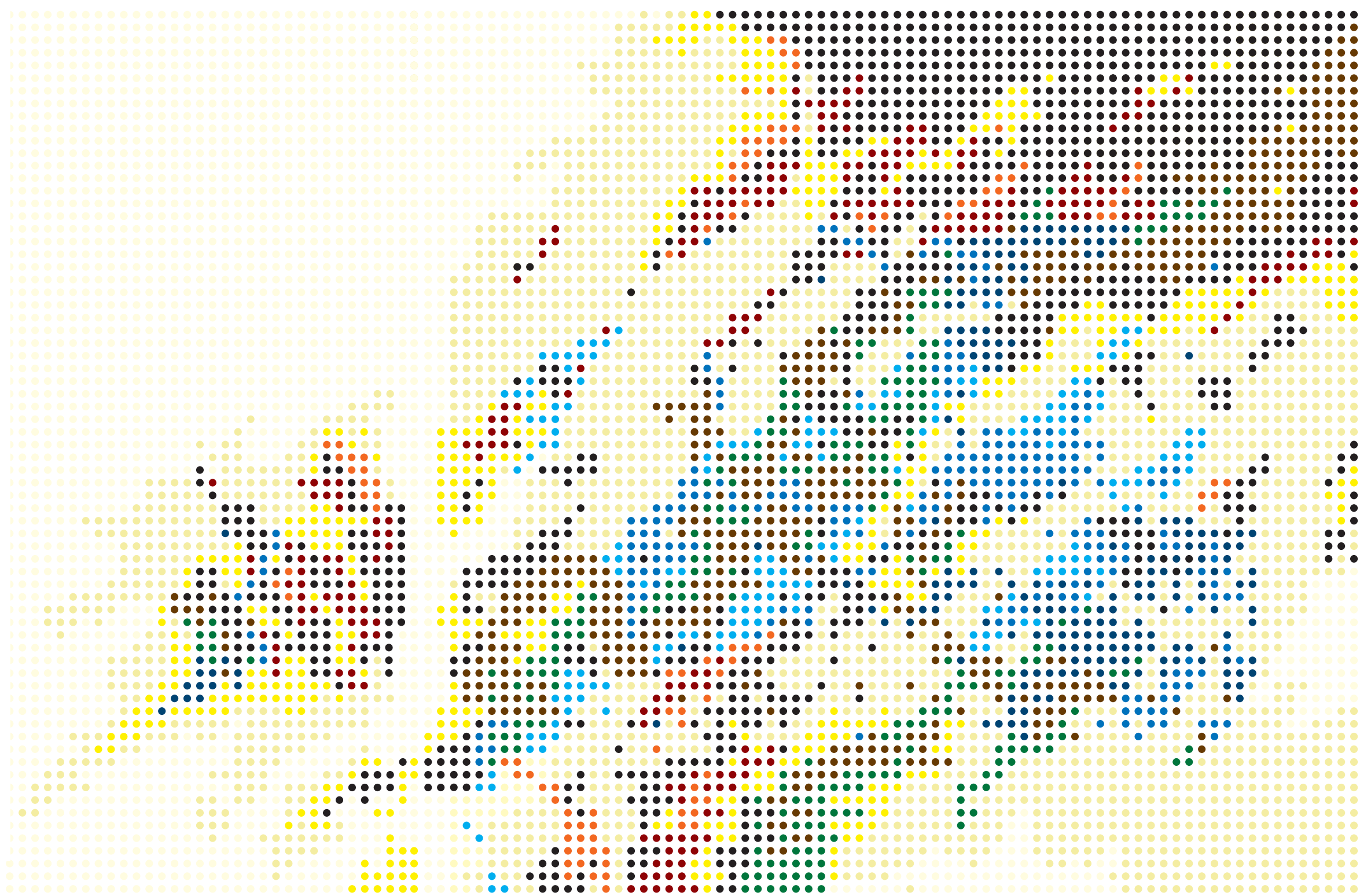
#### Báo cáo Phát triển Con Người 2009

Thế giới của chúng ta rất bất bình đẳng. Với nhiều người trên thế giới, rời khỏi quê hương, xứ sở có thể là lựa chọn tốt nhất – đôi khi là duy nhất mở ra với họ để có được cơ hội cuộc sống tốt hơn. Di cư có thể đem lại kết quả to lớn cải thiện thu nhập, giáo dục và sự hoà nhập của cá nhân và gia đình, cải thiện triển vọng tương lai của con cái. Nhưng giá trị của di cư còn lớn hơn: khả năng quyết định nơi đến sống là yếu tố cơ bản của tự do con người.

Không có một chân dung điển hình của người di cư trên thế giới. Những người thu hoạch quả, hộ lý, tị nạn chính trị, công nhân xây dựng, các học giả và các nhà lập trình máy tính là tất cả các tầng lớp cấu thành nên gần 1 tỉ người đang di cư trong phạm vi quốc gia họ và sang các nước khác. Khi người ta di cư tức là đã dấn thân vào một cuộc hành trình của hy vọng và bất an, dù là trong phạm vi hay vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Phần lớn người di cư để tìm kiếm những cơ hội tốt hơn, hy vọng kết hợp tài năng của họ và nguồn lực ở quốc gia nơi họ đến đem lại lợi ích cho bản thân họ và gia đình gần nhất của họ, những người thường đi cùng hoặc sẽ đi theo họ. Các cộng đồng dân cư hay xã hội nói chung cũng có lợi, ở cả nơi họ ra đi và nơi họ đến. Sự đa dạng của cá nhân người di cư và những quy định điều tiết việc di cư của họ làm cho sự di cư của con người trở thành một trong những vấn đề phức tạp nhất mà thế giới ngày nay đang phải đối mặt, đặc biệt giữa thời kỳ suy thoái toàn cầu.

*Vượt qua Trở ngại: Di cư và Phát triển Con Người* xem xét việc những chính sách tốt hơn đối với di cư có thể tăng cường phát triển con người như thế nào. Báo cáo trước hết nhìn lại quá trình di cư của con người – ai đi đâu, khi nào và tại sao – rồi mới phân tích những tác động rộng lớn của việc di cư đối với người di cư, gia đình của họ, nơi họ ra đi và nơi họ đến. Từ đó đưa ra tình huống chính phủ giảm bớt sự hạn chế đối với di cư trong phạm vi và ra ngoài biên giới các quốc gia nhằm mở rộng sự lựa chọn và tự do cho con người. Lập luận rằng các biện pháp thực tế cải thiện cơ hội thành công cho người mới định cư sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho cả cộng đồng nơi họ đến và nơi họ ra đi. Cải cách không chỉ đề xuất với chính phủ nơi người di cư đến mà còn với chính phủ nơi họ ra đi, và cả các khu vực khác – đặc biệt là khu vực tư nhân, các nghiệp đoàn và các tổ chức phi chính phủ – và cá nhân những người di cư.

*Báo cáo Phát triển Con Người 2009* đặt phát triển con người một cách chắc chắn trong chương trình nghị sự của các nhà hoạch định chính sách, những người mong muốn tìm được kết quả tốt nhất từ mô hình di cư của con người ngày càng phức tạp trên thế giới.



## Đã có thêm thông tin, và các bản sao của tất cả nội dung báo cáo, tìm hiểu về các biện pháp; tài liệu đào tạo và các thông tin khác, xem trên trang http://hdr.undp.org/en/nhdr/

## Để xem danh mục các lỗi và bỏ sót do in ấn, xin hãy vào trang website: http://hdr.undp.org

**Bản quyền © 2009 của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc 1 UN Plaza, New York, NY 10017, Hoa Kỳ**

**Toàn bộ bản quyền được bảo hộ. Nghiêm cấm tái bản, lưu trữ bằng các chương trình có thể chỉnh sửa hay sang truyền bất kỳ phần nào của ấn phẩm này dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hay các phương tiện khác nếu không được cho phép trước.**



Biên tập và trình bày: Green Ink
Thiết kế: ZAGO

Để xem danh mục các lỗi và bỏ sót do in ấn, xin hãy vào trang website: http://hdr.undp.org

Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin
Chịu trách nhiệm nội dung: UNDP
In 200 cuốn khổ 21.5 cm x 28cm
Số giấy phép: 366-2009/CXB/16/02-42/VHTT.

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

**Cải chính:**
Những phân tích và khuyến nghị chính sách của báo cáo này không nhất thiết phản ánh quan điểm của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc, Ban Chấp hành và các quốc gia thành viên. Báo cáo là một ấn phẩm độc lập do UNDP uỷ nhiệm. Đây là thành quả của một nỗ lực tập thể các nhà cố vấn xuất sắc và Nhóm Báo cáo Phát triển Con Người. Jeni Klugman, Giám đốc Ban Báo cáo Phát triển Con Người điều hành hoạt động này.

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

**Báo cáo Phát triển Con Người Toàn cầu 2009**
Nguồn tài liệu liên quan đến báo cáo này đăng trên: http://hdr.undp.org bao gồm các bản toàn văn và tóm tắt của báo cáo; tóm tắt các tham vấn, hội thảo và thảo luận trong nhóm; một loại các Tài liệu Nghiên cứu Phát triển Con Người; và các tư liệu báo chí. Tất cả các chỉ số thống kê, các công cụ dữ liệu, các bản đồ động, các trang dữ liệu quốc gia và nhiều loại khác được cung cấp miễn phí trên trang website này.

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals

## Để đặt mua, xin mời vào trang http://www.tandf.co.uk/journals



## TÓM TẮT

# Báo cáo Phát triển Con người 2009

### **Vượt qua rào cản:**

Di cư và phát triển con người



Phát hành cho  
Chương trình  
Phát triển  
Liên Hợp Quốc  
(UNDP)

# Nhóm chuyên gia xây dựng Báo cáo Phát triển con người 2009

---

## **Chủ nhiệm**

Jeni Klugman

## **Nghiên cứu**

Francisco R. Rodríguez đứng đầu, và gồm có Ginette Azcona, Matthew Cummins, Ricardo Fuentes Nieva, Mamaye Gebretsadik, Wei Ha, Marieke Kleemans, Emmanuel Letouzé, Roshni Menon, Daniel Ortega, Isabel Medalho Pereira, Mark Purser và Cecilia Ugaz (Phó chủ nhiệm cho đến hết tháng 10 năm 2008).

## **Thống kê**

Alison Kennedy đứng đầu, và gồm có Liliana Carvajal, Amie Gaye, Shreyasi Jha, Papa Seck và Andrew Thornton.

## **Nghiên cứu Phát triển Con Người và mạng lưới tại các Quốc gia**

Eva Jespersen (Phó Giám đốc Cơ quan Nghiên cứu Phát triển Con Người), Mary Ann Mwangi, Paola Pagliani và Timothy Scott.

## **Phổ biến và truyền thông**

Marisol Sanjines đứng đầu, và gồm có Wynne Boelt, Jean-Yves Hamel, Melissa Hernandez, Pedro Manuel Moreno và Yolanda Polo.

## **Sản xuất, dịch thuật, ngân sách và điều hành, hành chính**

Carlotta Aiello (điều phối sản xuất), Sarantuya Mend (phụ trách điều hành), Fe Juarez-Shanahan và Oscar Bernal.

# Báo cáo Phát triển con người 2009

## Nội dung toàn văn báo cáo

Lời nói đầu

Lời cảm ơn

Danh mục từ viết tắt

## TỔNG QUAN

### CHƯƠNG 1

**Quyền tự do và di cư: Di cư thúc đẩy phát triển con người như thế nào**

- 1.1 Những vấn đề về di cư
- 1.2 Lựa chọn và hoàn cảnh: hiểu lý do con người di cư
- 1.3 Phát triển, quyền tự do và sự di cư của con người
- 1.4 Chúng ta đưa vấn đề gì ra bàn thảo

### CHƯƠNG 2

**Con người trong tình trạng di cư: ai chuyển đi đâu, khi nào và tại sao**

- 2.1 Việc di cư của con người ngày nay
- 2.2 Nhìn lại trước đây
  - 2.2.1 Quan điểm dài hạn
  - 2.2.2 Thế kỷ 20
- 2.3 Chính sách và di cư
- 2.4 Hướng về phía trước: khủng hoảng và sau đó
  - 2.4.1 Khủng hoảng kinh tế và triển vọng hồi phục
  - 2.4.2 Xu hướng nhân khẩu học
  - 2.4.3 Các yếu tố môi trường
- 2.5 Kết luận

### CHƯƠNG 3

**Những người di cư sinh sống thế nào**

- 3.1 Thu nhập và sinh kế
  - 3.1.1 Tác động tới tổng thu nhập
  - 3.1.2 Phí tổn tài chính của di cư
- 3.2 Y tế
- 3.3 Giáo dục
- 3.4 Trao quyền, quyền công dân và sự tham gia
- 3.5 Hiểu hậu quả của những yếu tố tiêu cực
  - 3.5.1 Khi sự bất an thúc đẩy di cư
  - 3.5.2 Di cư do kết quả của hoạt động phát triển
  - 3.5.3 Tệ nạn buôn người
- 3.6 Tác động tổng thể
- 3.7 Kết luận

### CHƯƠNG 4

**Tác động tới nơi ra đi và nơi di cư đến**

- 4.1 Tác động tới nơi ra đi
  - 4.1.1 Tác động cấp hộ gia đình
  - 4.1.2 Tác động kinh tế cấp quốc gia và cộng đồng
  - 4.1.3 Ảnh hưởng văn hoá và xã hội
  - 4.1.4 Di cư và chiến lược phát triển quốc gia
- 4.2 Tác động tới nơi di cư đến
  - 4.2.1 Tác động kinh tế chung
  - 4.2.2 Tác động tới thị trường lao động
  - 4.2.3 Đô thị hoá nhanh
  - 4.2.4 Tác động tài chính
  - 4.2.5 Nhận thức và mối quan ngại về di cư
- 4.3 Kết luận

### CHƯƠNG 5

**Chính sách phát huy kết quả phát triển con người**

- 5.1 Các gói đề xuất chủ chốt
  - 5.1.1 Tự do hoá và đơn giản hoá các kênh thông thường
  - 5.1.2 Đảm bảo quyền cơ bản cho người di cư
  - 5.1.3 Giảm chi phí giao dịch liên quan tới di cư
  - 5.1.4 Cải thiện tác động đối với người di cư và cộng đồng nơi họ đến
  - 5.1.5 Tạo lợi ích từ di cư nội địa
  - 5.1.6 Làm cho di cư trở nên cấu thành của chiến lược phát triển quốc gia
- 5.2 Tính khả thi của cải cách chính trị
- 5.3 Kết luận

**Ghi chú**

**Tài liệu tham khảo**

### PHỤ LỤC THỐNG KÊ

**Bảng biểu**

**Hướng dẫn người đọc**

**Ghi chú kỹ thuật**

**Định nghĩa chỉ số và thuật ngữ thống kê**

**Phân loại quốc gia**

## Vượt qua rào cản: Di cư và phát triển con người

Hãy xem xét trường hợp của Juan. Sinh ra trong một gia đình nghèo ở vùng nông thôn Mexico, gia đình chật vật mới trang trải được các phí tổn y tế và học hành cho cậu. Năm 12 tuổi, cậu bỏ học để phụ giúp gia đình. Sáu năm sau, Juan theo một ông chú sang Canada nhằm tìm việc có lương cao hơn và mang lại cơ hội tốt hơn. Tuổi thọ trung bình của Canada cao hơn của Mexico 5 năm và thu nhập ở đây cao hơn gấp ba lần. Juan đã nhận được hợp đồng làm việc tạm thời ở Canada, được quyền ở lại và cuối cùng trở thành một doanh nhân mà công việc kinh doanh hiện nay có thể tạo công ăn việc làm cho cả người dân Canada bản xứ. Đây chỉ là một trong số hàng triệu người hàng năm mong muốn tìm kiếm các cơ hội mới và các quyền tự do bằng cách di cư, đem lại lợi ích cho bản thân mình cũng như cho nơi họ ra đi và nơi họ di cư đến.

**Bây giờ xét trường hợp của Bhagyawati.** Cô xuất thân từ tầng lớp dưới và sống ở vùng nông thôn Andhra Pradesh, Ấn Độ. Cô đã chuyển đến thành phố Bangalore cùng con cái để làm việc tại các công trình xây dựng mỗi năm sáu tháng, kiếm được khoảng 60 Rupia (1,20 USD) mỗi ngày. Trong khi vắng nhà, các con cô không đến trường học vì nhà quá xa công trường xây dựng và chúng không biết tiếng địa phương. Bhagyawati cũng không thuộc diện được trợ cấp về lương thực và y tế, cô cũng không được quyền bầu cử vì cô sống ngoài khu vực đăng ký thường trú. Giống như hàng triệu người di cư nội địa khác, Bhagyawati có rất ít cơ hội để cải thiện cuộc sống ngoài việc di cư đến một thành phố khác để tìm kiếm những cơ hội tốt hơn.

Thế giới của chúng ta không công bằng. Sự khác biệt to lớn trong phát triển con người ngay trong nội bộ và giữa các quốc gia là một chủ đề đã được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần trong Báo cáo Phát triển Con người (HDR) kể từ khi báo cáo này được xuất bản lần đầu tiên năm 1990. Trong báo cáo năm nay, lần đầu tiên chúng tôi khai thác chủ đề di cư. Đối với nhiều người ở các nước đang phát triển, đi khỏi quê hương, bản quán có thể là lựa chọn tốt nhất – đôi khi là duy nhất - mở ra cho họ các cơ hội để đổi đời. Di cư có thể đem lại những cải thiện to lớn về thu nhập, giáo dục và y tế. Nhưng giá trị của di cư còn lớn hơn thế: khả năng quyết định nơi sinh sống là yếu tố cơ bản của quyền tự do của con người.

Khi con người di chuyển là họ đã dấn thân vào một hành trình chứa đựng nhiều hy vọng cũng như tiềm ẩn nhiều bất ổn, dù là trong phạm vi một quốc gia hay vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Phần lớn những người di cư là để tìm những cơ hội tốt hơn, hy vọng kết hợp tài năng của mình với nguồn lực ở nơi họ đến để đem lại lợi ích cho bản thân và những người thân thiết nhất của họ, những người thường đi cùng hoặc sẽ đi theo họ sau này. Nếu họ thành công, quyết định và nỗ lực của họ có thể đem lại lợi ích cho những người họ bỏ lại ở quê nhà và cho xã hội nơi họ tạo dựng quê hương mới. Nhưng không phải tất cả đều thành công. Những người di cư bỏ lại đằng sau bạn bè và gia đình có thể phải đối mặt với sự cô đơn, có thể cảm thấy họ không được chào đón ở nơi mới vì người dân ở đó sợ hoặc không thích những người mới nhập cư. Họ có thể bị mất việc hay ốm đau và do đó cũng không tiếp cận được với các dịch vụ hỗ trợ mà họ cần trước khi thành công.

Báo cáo Phát triển Con người năm 2009 khám phá khía cạnh các chính sách tốt hơn để hỗ trợ người di cư có thể thúc đẩy sự nghiệp phát triển Con người như thế nào. Báo cáo cho rằng chính phủ cần giảm bớt các cản trở đối với việc di cư trong phạm vi quốc gia cũng như sang các nước khác, từ đó mở rộng quyền tự do và lựa chọn của con người. Báo cáo ủng hộ các biện pháp thiết thực tạo khả năng sớm thành công cho người di cư sau khi họ đến, như vậy cũng sẽ đem lại lợi ích to lớn cho cả cộng đồng nơi họ đến và nơi họ ra đi.

### Thế nào và tại sao người ta di cư

Những cuộc thảo luận về di cư thường bắt đầu từ dòng di cư từ các nước đang phát triển sang các nước giàu có ở Châu Âu, Bắc Mỹ và Úc. Tuy nhiên, phần lớn dòng di cư trên thế giới lại không diễn ra giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển; phần lớn hiện tượng này thậm chí không diễn ra từ nước này sang nước khác. Đa bộ phận những người di cư di chuyển trong nội bộ quốc gia của họ. Chúng tôi ước tính có phần bảo thủ rằng khoảng 740 triệu người di cư nội địa - tức là gần gấp bốn lần số người di cư quốc tế. Trong số những người di cư sang nước khác, chỉ có một phần ba di cư từ một nước đang phát triển sang một nước phát triển - tức là chưa tới 70 triệu người. Còn lại phần lớn trong số 200 triệu người di cư quốc tế di chuyển từ một nước đang phát triển này sang một nước đang phát triển khác, hoặc di cư giữa các nước phát triển (bản đồ 1).

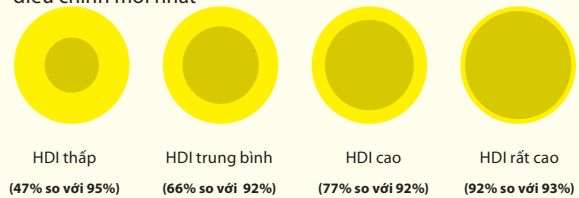
Phần lớn những người di cư, nội địa hay quốc tế, đều được lợi nhờ thu nhập cao hơn, cơ hội học hành và chăm sóc y tế tốt hơn, và tương lai cho con cái cũng sáng sủa hơn (hình 1). Khảo sát trong những người di cư cũng cho thấy phần lớn tỏ ra hài lòng ở nơi mới, mặc dù họ đều phải tự điều

chỉnh và phải vượt qua trở ngại trong quá trình di chuyển. Nhưng khi đã ổn định cuộc sống, người di cư thường có xu hướng tham gia các nghiệp đoàn, các tổ chức tôn giáo và các nhóm khác hơn là người dân địa phương. Tuy nhiên, họ thường phải đánh đổi nhiều điều và lợi ích từ sự di cư cũng không được phân bố bình đẳng.

**Hình 1**

### Giáo dục mang lại lợi ích nhiều nhất cho người di cư từ những nước có chỉ số HDI thấp

Tỉ lệ nhập học chung tại quốc gia của người di cư so với quốc gia họ đến theo xếp loại chỉ số HDI của nước đi, điều tra năm 2000 hoặc điều chỉnh mới nhất



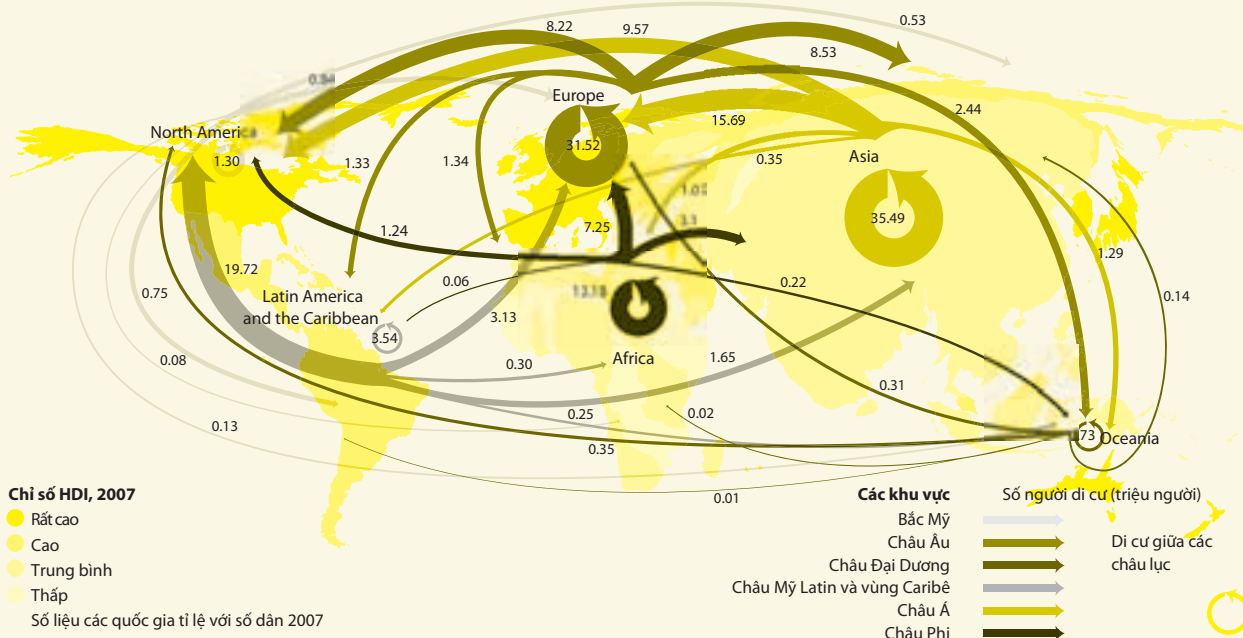
● Tỉ lệ nhập học tại nước đi ● Tỉ lệ nhập học tại nước đến

Nguồn: Ortega (2009)

Ghi chú: Tỉ lệ nhập học chung bao gồm tiểu học, cấp hai và cấp ba.

### Bản đồ 1 Phần lớn di cư diễn ra trong khu vực

Nước đi và nước đến của những người di cư quốc tế, năm 2000



Nguồn: Ước tính của Nhóm nghiên cứu phát triển con người được dựa trên dữ liệu DRC về di cư 2007.

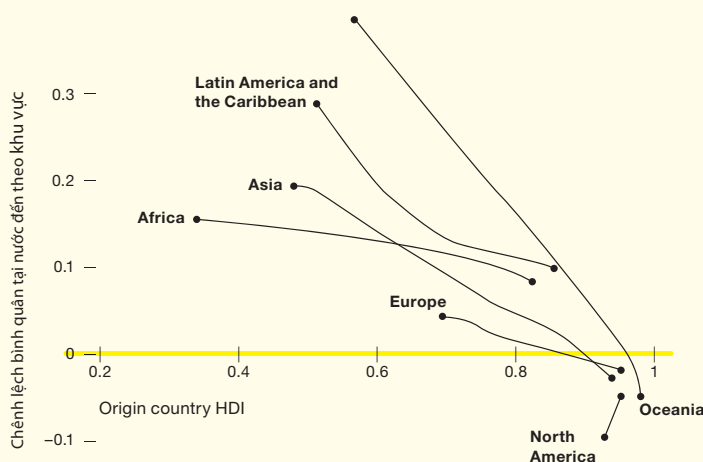
Những người di cư vì tình hình bất ổn hay xung đột thường phải đối mặt với những khó khăn đặc biệt. Ước tính có khoảng 14 triệu người di tản sống ngoài các quốc gia nơi họ đăng ký quốc tịch, chiếm khoảng 7% tổng số người di cư trên thế giới. Phần lớn những người này lưu trú ở gần biên giới nước họ, thường là trong các trại tị nạn cho đến khi điều kiện trong nước cho phép họ hồi hương, nhưng mỗi năm khoảng nửa triệu người trong số họ chuyển sang các nước phát triển và xin tị nạn tại đó. Một con số lớn hơn, khoảng 26 triệu người, di cư trong phạm vi một nước. Họ không di cư ra ngoài biên giới nước họ nhưng gặp vô vàn khó

khăn do phải rời xa quê hương đang bị chìm ngập trong xung đột hay bị tàn phá bởi thiên tai. Một nhóm người dễ bị tổn thương nữa bao gồm những người là nạn nhân của nạn buôn người, chủ yếu là phụ nữ trẻ. Thường bị lừa gạt bởi những lời hứa hẹn về một cuộc sống tốt đẹp hơn, sự di cư của họ không phải do tự nguyện mà do bị cưỡng bức, đôi khi đi kèm với bạo lực và bị lạm dụng tình dục.

Tuy nhiên, nhìn chung thì con người di cư vì ý nguyện của chính họ, tới những nơi phồn thịnh hơn. Hơn ba phần tư dân di cư quốc tế đi tới một nước có mức phát triển con người cao hơn nơi họ ra đi (hình 2). Tuy nhiên, họ cũng gặp phải những cản trở đáng kể, bởi những chính sách nhằm tạo ra rào cản đối với người nhập cư và bởi những nguồn lực hạn hẹp họ có trong tay để hỗ trợ việc di cư. Người dân ở các nước nghèo có ít khả năng di cư nhất: ví dụ chưa đến 1% người châu Phi di cư sang châu Âu. Quả thực, bằng chứng lịch sử và đương đại cho thấy phát triển và di cư luôn đồng hành; tỉ lệ di cư trung bình ở một nước có mức độ phát triển con người thấp là dưới 4%, so với hơn 8% ở các nước có mức độ phát triển con người cao hơn (hình 3).

**Hình 2** Những người nghèo nhất là những người được lợi nhiều nhất từ việc di cư

Sự khác nhau về chỉ số HDI giữa nước đến và nước đi, 2000 - 2002

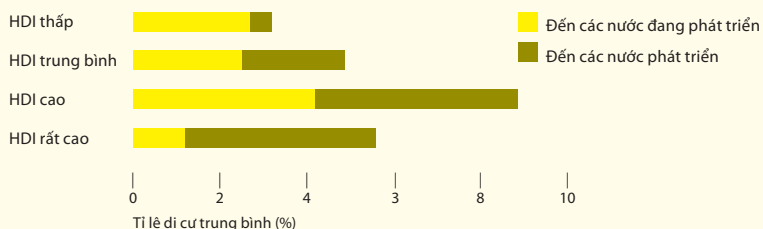


Nguồn: Ước tính của Nhóm nghiên cứu phát triển con người được dựa trên dữ liệu DRC về di cư 2007.  
Ghi chú: Số bình quân sử dụng phép hồi quy mật độ của Kernel.

**Hình 3** ... nhưng họ cũng ít di chuyển

Tỉ lệ di cư theo chỉ số HDI và thu nhập

Tỉ lệ di cư trung bình theo nhóm chỉ số HDI quốc gia người di cư thì



Nguồn: Ước tính của Nhóm nghiên cứu phát triển con người được dựa trên dữ liệu DRC về di cư 2007 và UN (2009e).

### Rào cản đối với di cư

Tỉ lệ người di cư quốc tế giữ ở mức khá ổn định khoảng 3% dân số thế giới trong vòng 50 năm qua, mặc dù có những yếu tố có khả năng làm tăng dòng di cư. Xu hướng nhân khẩu học - một dân số già ở các nước phát triển và dân số trẻ vẫn tiếp tục gia tăng ở các nước đang phát triển - và cơ hội việc làm gia tăng kết hợp với chi phí giao thông và truyền thông rẻ hơn đã làm tăng "cầu" di cư. Tuy nhiên, những người mong muốn di cư ngày càng phải đối mặt với những rào cản mà chính phủ dựng lên đối với việc di cư. Trong thế kỷ qua, số lượng các quốc gia đã tăng gấp bốn lần lên tới gần 200 nước, tạo thêm nhiều biên giới mà người di cư phải vượt qua, trong khi những thay đổi chính sách ngày càng hạn chế quy mô di cư, ngay cả khi các rào cản thương mại đã được gỡ bỏ.

Rào cản di cư đặc biệt rất lớn đối với những người có tay nghề thấp, dù nhu cầu lao động dành cho họ vẫn có ở nhiều nước giàu. Các chính sách thường chỉ thuận cho việc tiếp nhận những người có trình độ học vấn tốt hơn, ví dụ cho phép sinh viên ở lại sau khi tốt nghiệp hay chào mời các nhà chuyên môn định cư cùng gia đình họ. Nhưng các chính phủ có xu hướng không rõ ràng đối với lao động có tay nghề thấp, dẫn đến địa vị và cách



đối xử với họ rất tệ. Ở nhiều quốc gia, các ngành nông nghiệp, xây dựng, chế tạo và dịch vụ có những công việc có thể tuyển dụng những người di cư này. Song chính phủ các nước này thường xuyên luân chuyển những người có học vấn thấp ra khỏi hay về nước họ, đôi khi đối xử với những người lao động tạm thời và không chính quy một cách tùy tiện, giống như họ khóa hay mở vòi nước vậy. Ước tính hiện nay có khoảng 50 triệu người đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài một cách tạm bợ. Một số nước như Thái Lan và Mỹ chấp nhận một số lượng lớn công nhân không có giấy phép. Chính sách này cho phép những công nhân không có giấy phép vẫn có thể tìm được những công việc được trả lương cao hơn so với ở quê nhà, nhưng dù họ vẫn làm cùng một công việc và đóng một mức thuế như người dân địa phương, họ không được tiếp cận các dịch vụ cơ bản và thường chịu rủi ro trực xuất cao. Một số chính phủ, như Italy và Tây Ban Nha, công nhận rằng những người nhập cư chưa qua đào tạo nghề cũng đóng góp cho sự phát triển của đất nước họ và đã chính thức hoá địa vị của những người nhập cư dạng này nếu họ có việc làm, còn những nước khác như Canada và New Zealand đã thiết kế hẳn những chương trình nhập cư theo thời vụ rất tốt cho các ngành như nông nghiệp.

Trong khi giá trị của người di cư có trình độ tay nghề cao đối với quốc gia họ đến được đồng đảo thừa nhận, thì vấn đề người di cư chưa qua đào tạo nghề vẫn còn nhiều tranh cãi. Mặc dù phần lớn tin rằng những người nhập cư này đang bù lấp những vị trí công việc còn trống, song họ đồng thời cũng chiếm công ăn việc làm của người địa phương và làm cho tiền công giảm sút. Người ta cũng lo ngại dòng di cư này có thể làm tăng nguy cơ tội phạm, tăng gánh nặng dịch vụ địa phương và e sợ giảm sút sự gắn kết văn hoá và xã hội. Nhưng những lo ngại này thường là thái quá. Nghiên cứu cho thấy người nhập cư trong một số hoàn cảnh cũng có tác động tiêu cực tới người lao động địa phương có cùng trình độ, song phần lớn bằng chứng cho thấy những tác động này thường không đáng kể và có những trường hợp gần như không có.

### Lý do để ủng hộ di cư

Báo cáo này lập luận rằng những người di cư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, với chi phí rất thấp hay bằng không đối với người dân địa

phương. Quả thực, những tác động tích cực còn có thể lớn hơn, ví dụ khi người nhập cư sẵn sàng làm công việc giữ trẻ cho phép các bà mẹ bản xứ có điều kiện làm việc ngoài xã hội. Khi người nhập cư học được ngôn ngữ địa phương và các kỹ năng khác cần thiết để có mức thu nhập khá hơn, nhiều người trong số họ có thể hoà nhập hoàn toàn tự nhiên, làm tan biến nỗi lo ngại về những người nước ngoài không thể hòa nhập - tương tự như sự e ngại của người Mỹ đầu thế kỷ 20 đối với người Ireland chẳng hạn. Tuy nhiên, một thực tế nữa là nhiều người di cư gặp phải những bất lợi mang tính hệ thống, làm họ gặp khó khăn hoặc không thể tiếp cận các dịch vụ xã hội một cách bình đẳng với người bản địa. Những vấn đề này đặc biệt nghiêm trọng đối với các công nhân hợp đồng tạm thời hay không chính thức.

Tại các quốc gia nơi người di cư ra đi, tác động của việc di cư là thu nhập và tiêu thụ cao hơn, giáo dục tốt hơn và sức khoẻ được cải thiện, đồng thời địa vị xã hội và văn hoá cũng cao hơn. Việc di cư nói chung đem lại nhiều lợi ích, trực tiếp nhất là dưới hình thức gửi tiền về cho những người thân trong gia đình. Tuy nhiên, lợi ích này cũng được nhân rộng hơn khi nguồn kiều hối này được chi tiêu - do đó tạo thêm việc làm cho người lao động địa phương - và hành vi của họ cũng thay đổi theo luồng tư tưởng mới du nhập từ nước ngoài. Đặc biệt là phụ nữ có thể được giải phóng khỏi những vai trò truyền thống của họ.

Bản chất và phạm vi các tác động này phụ thuộc vào người di cư, tình hình làm ăn của họ ở nước ngoài và họ có giữ liên hệ với quê nhà thông qua việc gửi tiền, chia sẻ tri thức và tư tưởng hay không. Vì người nhập cư có xu hướng đi theo nhóm đến một địa điểm, ví dụ như bang Kerala của Ấn độ hay tỉnh Phúc Kiến của Trung Quốc - tác động ở cấp cộng đồng thường lớn hơn ở cấp quốc gia. Tuy nhiên, về lâu dài, luồng tư tưởng từ sự di cư của con người có thể có những tác động lớn hơn nữa tới những chuẩn mực xã hội và cơ cấu giai tầng của một quốc gia. Việc chảy máu nguồn lao động có tay nghề đôi khi bị coi là tiêu cực, đặc biệt là khi nó ảnh hưởng tới việc cung cấp các dịch vụ như giáo dục hay y tế. Tuy nhiên, ngay cả trong những trường hợp này, phương án ứng phó tốt nhất là đưa ra các chính sách để giải quyết các vấn đề cơ cấu căn bản như trả lương thấp, nguồn tài chính không đủ và thể chế yếu kém. Đổ lỗi việc thất thoát người lao động có trình độ cho

Sự nghiệp phát triển con người có thể được hưởng lợi bằng cách giảm bớt rào cản đối với di cư và cải thiện chính sách đối xử với người di cư

chính bản thân người lao động là đi lệch bản chất vấn đề, và các biện pháp hạn chế sự di cư của họ lại còn có thể phản tác dụng - chưa nói đến thực tế là các biện pháp như vậy đã từ chối quyền cơ bản của con người được rời khỏi quê hương của chính mình.

Tuy nhiên, di cư quốc tế ngay cả khi được quản lý tốt cũng không trở thành yếu tố cấu thành chiến lược phát triển con người của một quốc gia. Trừ một vài trường hợp ngoại lệ (phần lớn là các quốc đảo nhỏ có đến hơn 40% dân số di cư ra nước ngoài), việc di cư không có khả năng tạo nên triển vọng phát triển của toàn quốc gia. Di cư chỉ có tác dụng tốt nhất là tạo kênh bổ sung cho những nỗ lực của địa phương và quốc gia nhằm giảm nghèo và cải thiện phát triển con người. Những nỗ lực này vẫn luôn thiết yếu hơn bao giờ hết.

Vào thời điểm viết báo cáo này, thế giới đang trải qua cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng nhất trong nửa thế kỷ qua. Các nền kinh tế đang bị thu hẹp lại và tình trạng mất việc làm đang ảnh hưởng tới hàng triệu người lao động, trong đó có những người di cư. Chúng tôi tin tưởng rằng sự đi xuống của nền kinh tế nên được coi là một cơ hội cần nắm bắt để thiết lập một cách cư xử mới với người di cư – một cách thức sẽ đem lại lợi ích cho người lao động tại quê hương và ở nước ngoài, đồng thời chống lại các phản ứng mang tính bảo hộ. Khi kinh tế phục hồi, những xu hướng căn bản đã thúc đẩy sự di cư trong nửa thế kỷ qua sẽ tái xuất hiện, khuyến khích nhiều người tiếp tục di cư. Điều sống còn là chính phủ phải đưa ra những biện pháp cần thiết để sẵn sàng đón nhận tình huống này.

### **Khung 1**      **Gói chủ chốt**

*Vượt qua Rào cản* đề xuất một gói cải cách chủ chốt, bao gồm sáu “trụ cột”. Mỗi trụ cột có những lợi ích riêng, nhưng thực hiện đồng bộ có thể đem lại tác động tích cực tối đa cho sự nghiệp phát triển con người từ việc di cư:

1. Mở ra và đơn giản hoá các kênh tiếp nhận hiện tại cho phép người có trình độ thấp cơ hội tìm việc ở nước ngoài;
2. Đảm bảo quyền cơ bản cho người di cư;
3. Giảm chi phí giao dịch liên quan đến di cư;
4. Cải thiện kết quả cho người di cư và cộng đồng nơi họ đến;
5. Tạo lợi ích từ di cư nội địa;
6. Lồng ghép vấn đề di cư vào chiến lược phát triển quốc gia

### **Đề xuất của chúng tôi**

Sự nghiệp phát triển con người có thể được hưởng lợi bằng cách giảm bớt rào cản đối với việc di cư và cải thiện chính sách đối xử với người di cư. Cần có một cách nhìn mạnh bạo nhằm hiện thực hoá những lợi ích này. Báo cáo của chúng tôi ủng hộ việc đưa ra một loạt biện pháp cải cách toàn diện, có thể đem lại những lợi ích to lớn cho người di cư, cộng đồng và quốc gia.

Đề xuất của chúng tôi liên quan đến hai khía cạnh quan trọng nhất của vấn đề di cư, tạo điều kiện để xây dựng các chính sách tốt hơn: đó là tiếp nhận và đối xử. Những cải cách đưa ra trong các gói đề xuất chủ chốt của chúng tôi có tác dụng trung đến dài hạn (Khung 1). Đề xuất này không chỉ liên quan đến chính phủ nơi người di cư chuyển đến mà cả chính phủ nơi họ ra đi cũng như các bên liên quan khác - đặc biệt là khu vực tư nhân, các nghiệp đoàn, các tổ chức phi chính phủ - và chính những người di cư. Mặc dù các nhà hoạch định chính sách đều phải đối mặt với những thách thức chung, song họ sẽ phải xây dựng và thực hiện những chính sách di cư khác nhau ở đất nước mình, phù hợp với bối cảnh trong nước và ở từng địa phương. Tuy nhiên, một số bài học thực tiễn tốt vẫn có giá trị chung và có thể được áp dụng rộng rãi.

Chúng tôi nhấn mạnh sáu hướng cải cách cơ bản có thể được áp dụng riêng lẻ, nhưng nếu được áp dụng một cách đồng bộ có thể mang lại tác động tích cực tối đa cho sự nghiệp phát triển con người. Mở cửa các kênh tiếp nhận hiện tại để nhiều người lao động có thể di cư, đảm bảo quyền cơ bản cho người di cư, giảm chi phí giao dịch liên quan đến di cư, tìm ra các giải pháp có lợi cho cả cộng đồng nơi người di cư đến và cho chính người di cư mà cộng đồng đó đón nhận, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân di cư trong phạm vi đất nước họ, lồng ghép vấn đề di cư vào chiến lược phát triển quốc gia - tất cả đều có vai trò quan trọng và bổ sung cho nhau, góp phần vào sự nghiệp phát triển con người.

Gói đề xuất chủ chốt nhấn mạnh hai cách thức mở ra các kênh tiếp nhận chính thức hiện nay:

- Chúng tôi khuyến nghị mở rộng các chương trình lao động thời vụ cho các ngành như nông nghiệp và du lịch. Những chương trình này đã thành công ở một số nước. Những bài học thực tiễn cho thấy biện pháp này cần có sự tham gia của các nghiệp đoàn và người

sử dụng lao động, cùng với chính quyền nơi người di cư đến và nơi họ ra đi, đặc biệt là trong việc thiết kế và thực hiện các đảm bảo cơ bản về lương, y tế, các tiêu chuẩn an toàn và tạo điều kiện cho các chuyến thăm quê, như trường hợp ở New Zealand.

- Chúng tôi cũng đề xuất tăng số lượng visa cho các lao động có tay nghề thấp, tùy thuộc vào nhu cầu địa phương. Thực tiễn cho thấy một số bài học tốt về khía cạnh này như: đảm bảo cho người nhập cư có quyền thay đổi người sử dụng lao động (còn được gọi là *quyền chuyển đổi chủ thuê lao động*), cho người nhập cư quyền xin kéo dài thời gian lưu trú và lên kế hoạch lưu trú cho đến khi được định cư vĩnh viễn, ban hành các quy định tạo điều kiện dễ dàng cho các chuyến đi khứ hồi trong thời gian visa còn hiệu lực, và cho phép chuyển về nước các khoản lợi ích tích góp được từ bảo hiểm xã hội, như đã được áp dụng trong chương trình cải cách gần đây ở Thụy Điển.

Quốc gia nơi người di cư đến cần quyết định về số lượng người được phép nhập cư thông qua các quy trình chính trị cho phép thảo luận công khai và cân bằng các lợi ích khác nhau. Các cơ chế minh bạch xác định số lượng người được phép nhập cư cần dựa trên nhu cầu của người sử dụng lao động và hạn ngạch nhập cư phù hợp với điều kiện kinh tế.

Ở quốc gia nơi người di cư đến, người nhập cư thường bị đối xử theo những cách thức vi phạm đến quyền con người cơ bản của họ. Ngay cả khi chính phủ không phê chuẩn các công ước quốc tế bảo vệ người lao động di cư, họ cũng phải đảm bảo rằng người nhập cư có đầy đủ quyền ở nơi làm việc - ví dụ như quyền được trả lương ngang bằng cho những công việc như nhau, có điều kiện lao động phù hợp, và quyền tham gia các tổ chức tập thể. Chính phủ cần hành động kịp thời để xoá bỏ tình trạng phân biệt đối xử. Chính phủ nơi người di cư đến và nơi họ ra đi có thể hợp tác với nhau, nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc công nhận các khoản thu nhập của người di cư ở nước ngoài.

Cuộc khủng hoảng kinh tế gần đây làm cho người di cư đặc biệt dễ bị tổn thương. Chính phủ một số quốc gia nơi người di cư đến đã xúc tiến việc thi hành những đạo luật di cư theo hướng xâm phạm quyền của người di cư. Tạo cho người di cư mất việc cơ hội tìm người sử dụng lao động mới (hay ít nhất là cho họ thời gian để thu xếp các

vấn đề trước khi về nước), phổ biến rộng rãi các vấn đề về thị trường lao động - bao gồm cả tình hình kinh tế giảm sút ở quê hương họ - là những biện pháp có thể giảm thiểu hậu quả nặng nề của tình trạng suy thoái kinh tế mà cả người di cư hiện tại và trong tương lai phải gánh chịu.

Đối với di cư quốc tế, chi phí giao dịch để xin được các giấy tờ cần thiết và làm các thủ tục hành chính quá cảnh thường rất cao, làm nản chí người lao động (chi phí này cao hơn nhiều đối với những người lao động chưa qua đào tạo nghề và những người đi theo hợp đồng ngắn hạn) và có thể tạo ra tác động không mong muốn là khuyến khích việc di cư bất hợp pháp và nạn buôn người. Cứ 10 nước thì có một nước có chi phí làm hộ chiếu nhiều hơn 10% thu nhập bình quân đầu người; không có gì ngạc nhiên là mức chi phí này có ảnh hưởng tiêu cực đến tỉ lệ di cư. Chính phủ các quốc gia nơi người di cư đến và nơi họ ra đi có thể đơn giản hoá thủ tục và giảm chi phí giấy tờ, đồng thời hai bên có thể cùng hợp tác để cải thiện và giám sát các dịch vụ trung gian.

Điều quan trọng sống còn là đảm bảo cho cá nhân người di cư sớm ổn định cuộc sống sau khi họ đến, nhưng điều không kém phần quan trọng là cộng đồng nơi họ gia nhập không coi sự gia tăng nhu cầu về các dịch vụ thiết yếu của những người đến định cư là gánh nặng quá đáng. Khi những thách thức này đặt ra cho chính quyền địa phương thì có thể cần bổ sung ngân sách. Đảm bảo con cái của các gia đình nhập cư tiếp cận công bằng cơ hội giáo dục và, khi cần thiết, cần có sự hỗ trợ để chúng theo kịp và hội nhập, để chúng có triển vọng tốt hơn và tránh nguy cơ lại tụt xuống hạ tầng xã hội trong tương lai. Đào tạo ngôn ngữ là một yếu tố chính - không những đối với trẻ em ở trường học, mà cho cả những người lớn tuổi, thông qua nơi làm việc và qua các biện pháp hỗ trợ đặc biệt nhằm tiếp cận những phụ nữ không làm việc ngoài xã hội. Một số trường hợp sẽ cần những biện pháp tích cực hơn, nhằm chống lại sự phân biệt đối xử, giải quyết các căng thẳng xã hội và, tùy vào hoàn cảnh cụ thể, có thể là phòng tránh sự bùng nổ bạo lực chống lại người nhập cư. Xã hội dân sự và chính phủ có rất nhiều kinh nghiệm tích cực giải quyết vấn đề phân biệt đối xử, ví dụ thông qua các chiến dịch nâng cao nhận thức của công chúng.

Mặc dù hầu hết các hệ thống kế hoạch hoá tập trung trên thế giới đang mất dần, một con số đáng ngạc nhiên các chính phủ - khoảng một phần ba - vẫn duy trì các rào cản *trên thực tế* đối với việc di

Dù không thay thế được những nỗ lực phát triển to lớn song di cư vẫn có thể là một chiến lược có tầm quan trọng sống còn đối với các gia đình mong muốn đa dạng hoá và cải thiện sinh kế

cư nội địa (bảng 1). Những hạn chế này thường dưới hình thức cắt giảm các chế độ và dịch vụ cơ bản cho những người không đăng ký định cư tại địa phương, do đó phân biệt đối xử đối với người di cư nội địa, như trường hợp ở Trung Quốc. Đảm bảo công bằng trong việc cung cấp các dịch vụ cơ bản là khuyến nghị chính của báo cáo này đối với những người di cư nội địa. Việc đối xử công bằng là rất quan trọng đối với người lao động thời vụ và người lao động hợp đồng tạm thời và gia đình của họ, đối với khu vực nơi họ đến làm việc. Đồng thời, cũng cần đảm bảo cung cấp các dịch vụ phù hợp ở quê hương họ, sao cho họ không cảm thấy bị hối thúc phải di cư, chỉ để được tiếp cận với các dịch vụ giáo dục và y tế.

Mặc dù không thể thay thế được các nỗ lực phát triển nói chung, nhưng di cư có thể là một biện pháp có tầm quan trọng sống còn đối với các hộ và các gia đình mong muốn tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa và cải thiện sinh kế, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Chính phủ cần nhận thức rõ tiềm năng này và lồng ghép vấn đề di cư vào chính sách phát triển quốc gia. Một điều cơ bản xuất phát từ kinh nghiệm thực tế là các điều kiện kinh tế trong nước và các định chế vững chắc của khu vực công có vai trò quan trọng, tạo điều kiện mang lại những lợi ích to lớn hơn từ việc di cư.

### Hướng về phía trước

Để thúc đẩy việc thực hiện những đề xuất này sẽ cần có sự lãnh đạo mạnh mẽ và sáng suốt, cùng với quyết tâm to lớn để thu hút sự tham gia của công chúng và nâng cao nhận thức của họ về những thực tế xung quanh vấn đề di cư.

Đối với quốc gia nơi người di cư ra đi, cần xem xét có hệ thống hơn toàn bộ vấn đề di cư, những lợi ích, thiệt hại và rủi ro của nó, nhằm tạo cơ sở vững chắc hơn để lồng ghép vấn đề di cư vào chiến lược phát triển quốc gia. Di cư không phải là một phương án nhằm đẩy nhanh nỗ lực phát triển ở quê hương, nhưng di cư có thể tạo điều kiện tốt cho việc tiếp cận các ý tưởng, tri thức và nguồn lực có thể bổ sung và, trong nhiều trường hợp, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Đối với quốc gia nơi người di cư đến, cải cách “như thế nào và khi nào” phụ thuộc vào việc xem xét thực tiễn điều kiện kinh tế và xã hội, cân nhắc dư luận công chúng và những hạn chế chính trị ở cấp địa phương cũng như cấp quốc gia.

Hợp tác quốc tế, đặc biệt là thông qua các thỏa thuận song phương và khu vực, có thể góp phần quản lý di cư tốt hơn, bảo vệ quyền của người di cư được tốt hơn và tăng cường đóng góp của người di cư đối với quốc gia họ đến và quốc gia nơi họ ra đi. Một số khu vực đang tạo ra các vùng di chuyển tự do nhằm khuyến khích thương mại tự do hơn đồng thời tăng cường lợi ích của việc di cư – như Tây Phi và vùng chóp nón phía Nam Mỹ La Tinh. Thị trường lao động rộng mở ở những khu vực này có thể mang lại những lợi ích to lớn cho người di cư, cho gia đình và cộng đồng của họ.

Nhiều người kêu gọi thiết lập một chế độ toàn cầu mới nhằm cải thiện việc quản lý di cư: hơn 150 quốc gia hiện nay đã tham gia vào Diễn đàn toàn cầu về di cư và phát triển. Chính phủ các nước đang gặp phải những thách thức chung, cần xây dựng những biện pháp giải quyết chung - một xu hướng chúng tôi đã phát hiện trong khi xây dựng báo cáo này.

*Báo cáo Vượt qua Rào cản* đặt phát triển con người một cách vững chắc trong chương trình nghị sự của các nhà hoạch định chính sách, những người mong muốn mang lại kết quả tốt nhất từ các hình thái phát triển con người ngày càng phức tạp trên toàn thế giới.

**Bảng 1** Hơn một phần ba các quốc gia cản trở nghiêm trọng quyền di cư

Hạn chế di cư nội địa và giữa các quốc gia theo chỉ số HDI

| Tiêu chí HDI          | Hạn chế di cư 2008 |    |    |    |                 | Tổng |
|-----------------------|--------------------|----|----|----|-----------------|------|
|                       | Hạn chế nhiều nhất | 1  | 2  | 3  | Hạn chế ít nhất |      |
| <b>HDI RẤT CAO</b>    |                    |    |    |    |                 |      |
| Quốc gia              | 0                  | 3  | 1  | 3  | 31              | 38   |
| Phần trăm (%)         | 0                  | 8  | 3  | 8  | 81              | 100  |
| <b>HDI CAO</b>        |                    |    |    |    |                 |      |
| Quốc gia              | 2                  | 4  | 4  | 10 | 27              | 47   |
| Phần trăm (%)         | 4                  | 9  | 9  | 21 | 57              | 100  |
| <b>HDI TRUNG BÌNH</b> |                    |    |    |    |                 |      |
| Quốc gia              | 2                  | 13 | 24 | 27 | 16              | 82   |
| Phần trăm (%)         | 2                  | 16 | 29 | 33 | 20              | 100  |
| <b>HDI THẤP</b>       |                    |    |    |    |                 |      |
| Quốc gia              | 2                  | 5  | 13 | 5  | 0               | 25   |
| Phần trăm (%)         | 8                  | 20 | 52 | 20 | 0               | 100  |
| <b>TỔNG SỐ</b>        |                    |    |    |    |                 |      |
| Quốc gia              | 6                  | 25 | 42 | 45 | 74              | 192  |
| Phần trăm (%)         | 3                  | 13 | 22 | 23 | 39              | 100  |

Nguồn: Nhà Tỵ do (2009)

# CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI 2007 - Kết quả và chiều hướng

Chỉ số phát triển con người (HDI) là thước đo tóm tắt về phát triển con người của một quốc gia. Chỉ số HDI đo lường thành quả trung bình của một quốc gia trên ba khía cạnh cơ bản:

- cuộc sống lâu dài và khoẻ mạnh, tính bằng tuổi thọ trung bình từ khi sinh;
- khả năng tiếp cận với tri thức, tính bằng tỉ lệ biết chữ của người lớn và tỉ lệ đến trường nói chung trong giáo dục; và
- mức sống hợp lý, tính bằng GDP theo đầu người quy ra sức mua tương đương theo đồng Đô - la Mỹ.

Ba khía cạnh này được chuẩn hoá theo trị số từ 0 đến 1, và phép trung bình đơn giản được áp dụng để có được chỉ số phát triển con người HDI chung từ 0 đến 1. Các quốc gia được xếp hạng trên cơ sở chỉ số này, với thứ tự xếp hạng số 1 thể hiện giá trị chỉ số HDI cao nhất.

Chỉ số HDI năm nay - sử dụng dữ liệu năm 2007 - đã được tính cho 182 quốc gia, trong đó có ba nước mới: Andorra và Liechtenstein là hai nước lần đầu tiên được xếp hạng, và Afghanistan được xếp hạng lần đầu vào năm 1996. Kết quả thể hiện trong báo cáo xem xét cả các dữ liệu mới và các dữ liệu cũ đã được chỉnh lý.

Điều quan trọng cần lưu ý là những kết quả HDI này dựa trên dữ liệu năm 2007 không phản ánh tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Cuộc khủng hoảng này dự đoán có những tác động to lớn tới kết quả phát triển con người ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Mũi tên trong bảng thể hiện sự thay đổi trong thứ tự xếp hạng giữa hai năm 2006 và 2007, dựa trên các dữ liệu thời gian tương ứng. Trong giai

đoạn này, giá trị chỉ số HDI đã giảm xuống ở bốn quốc gia - tất cả các trường hợp này đều do sút giảm GDP theo đầu người - và tăng ở 174 trường hợp. Đồng thời, có rất nhiều thay đổi trong thứ tự xếp hạng các quốc gia. Năm 2007 so với 2006, 50 quốc gia tụt xuống một hoặc một vài bậc trong bảng xếp hạng giữa hai năm, và một số lượng quốc gia tương tự tăng thứ bậc trong bảng xếp hạng. Sự thay đổi trong thứ tự xếp hạng không chỉ do kết quả hoạt động của cá nhân các quốc gia mà còn do sự tiến bộ của quốc gia này so với các quốc gia khác, đặc biệt khi sự cách biệt về giá trị xếp hạng không lớn. Trung Quốc được tăng thứ bậc nhiều nhất trong bảng xếp hạng (tăng 7 bậc), sau đó là Colombia và Peru (cùng tăng 5 bậc). Ở mỗi nước này, sự tăng thứ bậc HDI có thể nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối nhanh.

Na Uy đứng đầu bảng xếp hạng HDI, tiếp theo là Australia đứng thứ hai và Iceland thứ ba - cùng vị trí năm ngoái theo số liệu mới nhất. Có ít sự thay đổi trong thứ tự xếp hạng của 10 nước đứng đầu và chỉ có một quốc gia mới lọt vào nhóm này là Pháp - thay thế Luxembourg. Đứng cuối bảng xếp hạng là Niger Afghanistan và Sierra Leone, ba nước lần lượt theo thứ tự xếp hạng từ dưới lên và không thay đổi thứ tự xếp hạng trong hai năm 2006 và 2007. Không có nước nào tụt xuống nhóm mười nước xếp hạng cuối cùng trong hai năm 2006 và 2007.

Hầu hết các nước thay đổi không quá hai bậc trong bảng xếp hạng. Ví dụ như ở vùng cận sa mạc Sahara của châu Phi, Ghana tiến được hai bậc (nhờ thành tích giáo dục) trong khi Chad, Mauritius và Swaziland tụt xuống hai bậc.

# HDI 2007

Giá trị và Xếp loại chỉ số HDI 2007 và thay đổi xếp hạng 2006 - 2007

Ghi chú: ↑ Số bậc xếp hạng chỉ số HDI tăng giữa 2006 và 2007  
 ↓ Số bậc xếp hạng chỉ số HDI giảm giữa 2006 và 2007  
 Ô trống có nghĩa là chỉ số HDI không đổi giữa 2006 và 2007

| Phát triển con người rất cao (HDI ≥ 0.900)     |       | Lithuania     |   | 0.870 <b>46</b> |               | China                            |       | 0.772 <b>92</b> ↑ 7 |   | Yemen |                | 0.575 <b>140</b> ↑ 1                    |       |                |
|--|-------|---------------|---|-----------------|---------------|----------------------------------|-------|---------------------|---|-------|----------------|---|-------|----------------|
| Norway   | 0.971 | <b>1</b>      | Antigua and Barbuda                                   | 0.868           | <b>47</b> ↑ 1 | Belize                           | 0.772 | <b>93</b> ↓ 3       | Pakistan  | 0.572 | <b>141</b> ↑ 1 | Swaziland                               | 0.572 | <b>142</b> ↓ 2 |
| Australia                                      | 0.970 | <b>2</b>      | Latvia  | 0.866           | <b>48</b> ↑ 2 | Samoa                            | 0.771 | <b>94</b> ↑ 2       | Madagascar  | 0.564 | <b>143</b>     | Angola                                  | 0.564 | <b>143</b>     |
| Iceland  | 0.969 | <b>3</b>      | Argentina   | 0.866           | <b>49</b> ↓ 2 | Maldives                         | 0.771 | <b>95</b> ↑ 2       | Nepal   | 0.553 | <b>144</b>     | Nepal                                   | 0.553 | <b>144</b>     |
| Canada   | 0.966 | <b>4</b>      | Uruguay   | 0.865           | <b>50</b> ↓ 1 | Jordan                           | 0.770 | <b>96</b> ↓ 1       | Bangladesh  | 0.543 | <b>146</b> ↑ 2 | Kenya                                   | 0.541 | <b>147</b>     |
| Ireland  | 0.965 | <b>5</b>      | Cuba  | 0.863           | <b>51</b>     | Suriname                         | 0.769 | <b>97</b> ↑ 1       | Tanzania (United Republic of)                         | 0.530 | <b>151</b>     | Papua New Guinea                        | 0.541 | <b>148</b> ↓ 2 |
| Netherlands                                    | 0.964 | <b>6</b> ↑ 1  | Bahamas   | 0.856           | <b>52</b>     | Tunisia                          | 0.769 | <b>98</b> ↑ 2       | Ghana   | 0.526 | <b>152</b> ↑ 2 | Haiti                                   | 0.532 | <b>149</b>     |
| Sweden   | 0.963 | <b>7</b> ↓ 1  | Mexico  | 0.854           | <b>53</b> ↑ 1 | Tonga                            | 0.768 | <b>99</b> ↓ 5       | Cameroon  | 0.523 | <b>153</b> ↓ 1 | Mauritania                              | 0.520 | <b>154</b> ↓ 1 |
| France   | 0.961 | <b>8</b> ↑ 3  | Costa Rica  | 0.854           | <b>54</b> ↓ 1 | Jamaica                          | 0.766 | <b>100</b> ↓ 8      | Djibouti  | 0.520 | <b>155</b>     | Lesotho                                 | 0.514 | <b>156</b>     |
| Switzerland                                    | 0.960 | <b>9</b>      | Libyan Arab Jamahiriya                                | 0.847           | <b>55</b> ↑ 1 | Paraguay                         | 0.761 | <b>101</b>          | Uganda  | 0.514 | <b>157</b> ↑ 1 | Nigeria                                 | 0.511 | <b>158</b> ↓ 1 |
| Japan  | 0.960 | <b>10</b>     | Oman  | 0.846           | <b>56</b> ↓ 1 | Sri Lanka                        | 0.759 | <b>102</b>          | Philippines   | 0.751 | <b>105</b>     | Phát triển con người thấp (HDI < 0.500) |       |                |
| Luxembourg                                     | 0.960 | <b>11</b> ↓ 3 | Seychelles  | 0.845           | <b>57</b>     | Gabon                            | 0.755 | <b>103</b>          | Togo  | 0.499 | <b>159</b>     | Togo                                    | 0.499 | <b>159</b>     |
| Finland  | 0.959 | <b>12</b> ↑ 1 | Venezuela (Bolivarian Republic of)                    | 0.844           | <b>58</b> ↑ 4 | Algeria                          | 0.754 | <b>104</b>          | Malawi  | 0.493 | <b>160</b> ↑ 1 | Malawi                                  | 0.493 | <b>160</b> ↑ 1 |
| United States                                  | 0.956 | <b>13</b> ↓ 1 | Saudi Arabia  | 0.843           | <b>59</b> ↓ 1 | El Salvador                      | 0.747 | <b>106</b>          | Benin   | 0.492 | <b>161</b> ↓ 1 | Benin                                   | 0.492 | <b>161</b> ↓ 1 |
| Austria  | 0.955 | <b>14</b> ↑ 2 | Panama  | 0.840           | <b>60</b> ↑ 1 | Syrian Arab Republic             | 0.742 | <b>107</b> ↑ 2      | Timor-Leste   | 0.489 | <b>162</b>     | Timor-Leste                             | 0.489 | <b>162</b>     |
| Spain  | 0.955 | <b>15</b>     | Bulgaria  | 0.840           | <b>61</b> ↓ 2 | Fiji                             | 0.741 | <b>108</b> ↓ 1      | Côte d'Ivoire   | 0.484 | <b>163</b>     | Côte d'Ivoire                           | 0.484 | <b>163</b>     |
| Denmark  | 0.955 | <b>16</b> ↓ 2 | Saint Kitts and Nevis                                 | 0.838           | <b>62</b> ↓ 2 | Turkmenistan                     | 0.739 | <b>109</b> ↑ 1      | Zambia  | 0.481 | <b>164</b>     | Zambia                                  | 0.481 | <b>164</b>     |
| Belgium  | 0.953 | <b>17</b>     | Trinidad and Tobago                                   | 0.837           | <b>64</b> ↓ 1 | Occupied Palestinian Territories | 0.737 | <b>110</b>          | Eritrea   | 0.472 | <b>165</b>     | Eritrea                                 | 0.472 | <b>165</b>     |
| Italy  | 0.951 | <b>18</b> ↑ 1 | Montenegro  | 0.834           | <b>65</b>     | Indonesia                        | 0.734 | <b>111</b>          | Senegal   | 0.464 | <b>166</b>     | Senegal                                 | 0.464 | <b>166</b>     |
| Liechtenstein                                  | 0.951 | <b>19</b> ↓ 1 | Malaysia  | 0.829           | <b>66</b>     | Honduras                         | 0.732 | <b>112</b>          | Rwanda  | 0.460 | <b>167</b>     | Rwanda                                  | 0.460 | <b>167</b>     |
| New Zealand                                    | 0.950 | <b>20</b>     | Serbia  | 0.826           | <b>67</b>     | Bolivia                          | 0.729 | <b>113</b>          | Gambia  | 0.456 | <b>168</b>     | Gambia                                  | 0.456 | <b>168</b>     |
| United Kingdom                                 | 0.947 | <b>21</b>     | Belarus   | 0.826           | <b>68</b> ↑ 1 | Guyana                           | 0.729 | <b>114</b>          | Liberia   | 0.442 | <b>169</b>     | Liberia                                 | 0.442 | <b>169</b>     |
| Germany  | 0.947 | <b>22</b>     | Saint Lucia   | 0.821           | <b>69</b> ↓ 1 | Mongolia                         | 0.727 | <b>115</b> ↑ 1      | Guinea  | 0.435 | <b>170</b>     | Guinea                                  | 0.435 | <b>170</b>     |
| Singapore                                      | 0.944 | <b>23</b> ↑ 1 | Albania   | 0.818           | <b>70</b>     | Viet Nam                         | 0.725 | <b>116</b> ↓ 1      | Ethiopia  | 0.414 | <b>171</b>     | Ethiopia                                | 0.414 | <b>171</b>     |
| Hong Kong, China (SAR)                         | 0.944 | <b>24</b> ↓ 1 | Russian Federation                                    | 0.817           | <b>71</b> ↑ 2 | Moldova                          | 0.720 | <b>117</b>          | Mozambique  | 0.402 | <b>172</b>     | Mozambique                              | 0.402 | <b>172</b>     |
| Greece   | 0.942 | <b>25</b>     | Macedonia (the Former Yugoslav Rep. of)               | 0.817           | <b>72</b>     | Equatorial Guinea                | 0.719 | <b>118</b>          | Guinea-Bissau   | 0.396 | <b>173</b> ↑ 1 | Guinea-Bissau                           | 0.396 | <b>173</b> ↑ 1 |
| Korea (Republic of)                            | 0.937 | <b>26</b>     | Dominica  | 0.814           | <b>73</b> ↓ 2 | Uzbekistan                       | 0.710 | <b>119</b>          | Burundi   | 0.394 | <b>174</b> ↑ 1 | Burundi                                 | 0.394 | <b>174</b> ↑ 1 |
| Israel   | 0.935 | <b>27</b> ↑ 1 | Grenada   | 0.813           | <b>74</b>     | Kyrgyzstan                       | 0.710 | <b>120</b>          | Chad  | 0.392 | <b>175</b> ↓ 2 | Chad                                    | 0.392 | <b>175</b> ↓ 2 |
| Andorra  | 0.934 | <b>28</b> ↓ 1 | Brazil  | 0.813           | <b>75</b>     | Cape Verde                       | 0.708 | <b>121</b>          | Congo (Democratic Rep. of the)                        | 0.389 | <b>176</b> ↑ 1 | Congo (Democratic Rep. of the)          | 0.389 | <b>176</b> ↑ 1 |
| Slovenia                                       | 0.929 | <b>29</b>     | Bosnia and Herzegovina                                | 0.812           | <b>76</b>     | Guatemala                        | 0.704 | <b>122</b> ↑ 1      | Burkina Faso  | 0.389 | <b>177</b> ↓ 1 | Burkina Faso                            | 0.389 | <b>177</b> ↓ 1 |
| Brunei Darussalam                              | 0.920 | <b>30</b>     | Colombia  | 0.807           | <b>77</b> ↑ 5 | Egypt                            | 0.703 | <b>123</b> ↓ 1      | Mali  | 0.371 | <b>178</b> ↑ 1 | Mali                                    | 0.371 | <b>178</b> ↑ 1 |
| Kuwait   | 0.916 | <b>31</b>     | Peru  | 0.806           | <b>78</b> ↑ 5 | Nicaragua                        | 0.699 | <b>124</b>          | Central African Republic                              | 0.369 | <b>179</b> ↓ 1 | Central African Republic                | 0.369 | <b>179</b> ↓ 1 |
| Cyprus   | 0.914 | <b>32</b>     | Turkey  | 0.806           | <b>79</b> ↓ 1 | Botswana                         | 0.694 | <b>125</b> ↑ 1      | Sierra Leone  | 0.365 | <b>180</b>     | Sierra Leone                            | 0.365 | <b>180</b>     |
| Qatar  | 0.910 | <b>33</b> ↑ 1 | Ecuador   | 0.806           | <b>80</b> ↓ 3 | Vanuatu                          | 0.693 | <b>126</b> ↓ 1      | Afghanistan   | 0.352 | <b>181</b>     | Afghanistan                             | 0.352 | <b>181</b>     |
| Portugal                                       | 0.909 | <b>34</b> ↓ 1 | Mauritius   | 0.804           | <b>81</b> ↓ 2 | Tajikistan                       | 0.688 | <b>127</b>          | Niger   | 0.340 | <b>182</b>     | Niger                                   | 0.340 | <b>182</b>     |
| United Arab Emirates                           | 0.903 | <b>35</b> ↑ 2 | Kazakhstan  | 0.804           | <b>82</b> ↓ 1 | Namibia                          | 0.686 | <b>128</b> ↑ 1      | Phát triển con người trung bình (0.800 > HDI ≥ 0.500) |       |                |   |       |                |
| Czech Republic                                 | 0.903 | <b>36</b>     | Lebanon   | 0.803           | <b>83</b> ↓ 3 | South Africa                     | 0.683 | <b>129</b> ↓ 1      | Armenia   | 0.798 | <b>84</b> ↑ 1  | Armenia                                 | 0.798 | <b>84</b> ↑ 1  |
| Barbados                                       | 0.903 | <b>37</b> ↑ 2 | Phát triển con người trung bình (0.800 > HDI ≥ 0.500) |                 |               | Morocco                          | 0.654 | <b>130</b>          | Ukraine   | 0.796 | <b>85</b> ↓ 1  | Ukraine                                 | 0.796 | <b>85</b> ↓ 1  |
| Malta  | 0.902 | <b>38</b> ↓ 3 | Armenia   | 0.798           | <b>84</b> ↑ 1 | Sao Tome and Principe            | 0.651 | <b>131</b>          | Azerbaijan  | 0.787 | <b>86</b> ↑ 2  | Azerbaijan                              | 0.787 | <b>86</b> ↑ 2  |
| Phát triển con người cao (0.900 > HDI ≥ 0.800) |       |               | Bahrain   | 0.895           | <b>39</b> ↓ 1 | Bhutan                           | 0.619 | <b>132</b> ↑ 1      | Thailand  | 0.783 | <b>87</b> ↓ 1  | Thailand                                | 0.783 | <b>87</b> ↓ 1  |
| Estonia  | 0.883 | <b>40</b>     | Poland  | 0.880           | <b>41</b> ↑ 1 | Lao People's Democratic Republic | 0.619 | <b>133</b> ↓ 1      | Iran (Islamic Republic of)                            | 0.782 | <b>88</b> ↓ 1  | Iran (Islamic Republic of)              | 0.782 | <b>88</b> ↓ 1  |
| Slovakia                                       | 0.880 | <b>42</b> ↑ 2 | Slovakia  | 0.880           | <b>42</b> ↑ 2 | India                            | 0.612 | <b>134</b>          | Georgia   | 0.778 | <b>89</b> ↑ 2  | Georgia                                 | 0.778 | <b>89</b> ↑ 2  |
| Hungary  | 0.879 | <b>43</b> ↓ 2 | Hungary   | 0.879           | <b>43</b> ↓ 2 | Solomon Islands                  | 0.610 | <b>135</b>          | Dominican Republic                                    | 0.777 | <b>90</b> ↓ 1  | Dominican Republic                      | 0.777 | <b>90</b> ↓ 1  |
| Chile  | 0.878 | <b>44</b> ↓ 1 | Chile   | 0.878           | <b>44</b> ↓ 1 | Congo                            | 0.601 | <b>136</b>          | Saint Vincent and the Grenadines                      | 0.772 | <b>91</b> ↑ 2  | Saint Vincent and the Grenadines        | 0.772 | <b>91</b> ↑ 2  |
| Croatia  | 0.871 | <b>45</b>     | Croatia   | 0.871           | <b>45</b>     | Cambodia                         | 0.593 | <b>137</b>          |   |       |                |   |       |                |
|  |       |               |   |                 |               | Myanmar                          | 0.586 | <b>138</b>          |   |       |                |   |       |                |
|  |       |               |   |                 |               | Comoros                          | 0.576 | <b>139</b>          |   |       |                |   |       |                |